

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 17/CV-DVKG ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Công ty Cổ phần đầu tư thương mại và dịch vụ Khuất Gia về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường dự án “Trang trại chăn nuôi lợn công nghệ cao tại xã Cấn Co, huyện Sìn Hồ”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 4034/TTr-SNNMT ngày 01 tháng 10 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần đầu tư thương mại và dịch vụ Khuất Gia (sau đây gọi là chủ dự án); địa chỉ tại thôn 1, xã Phúc Thọ, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Trang trại chăn nuôi lợn công nghệ cao tại xã Cấn Co, huyện Sìn Hồ với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Trang trại chăn nuôi lợn công nghệ cao tại xã Cấn Co, huyện Sìn Hồ.

1.2. Địa điểm hoạt động của dự án: Xã Nậm Mạ, tỉnh Lai Châu.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0108530203 do phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp thuộc Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp (*được ký thay đổi lần thứ 6 ngày 19 tháng 9 năm 2025*).

1.4. Mã số thuế: 0108530203.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chăn nuôi lợn.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích của dự án: 16,27 ha.

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (*được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ*).

- Công suất: Chăn nuôi 2.400 con lợn nái giống ngoại, 40 con lợn đực và sản xuất khoảng 42.000 con lợn giống/năm (*tương đương 1.560 đơn vị vật nuôi*).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần đầu tư thương mại và dịch vụ Khuất Gia:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần đầu tư thương mại và dịch vụ Khuất Gia có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật. Trường hợp các công trình, biện pháp xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn không đảm bảo quy

chuẩn, yêu cầu kịp thời rà soát, điều chỉnh công trình, biện pháp xử lý để đảm bảo xử lý chất thải đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường tiếp nhận.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(từ ngày tháng năm 2025 đến ngày tháng năm 2035).

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân xã Nậm Mạ tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; giao Sở Nông nghiệp và Môi trường cử công chức kiểm tra thực tế trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công ty Cổ phần đầu tư thương mại và dịch vụ Khuất Gia;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (đăng tải);
- VP.UBND tỉnh: V1, V2, CB, HCC;
- Lưu: VT, Kt7.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hà Trọng Hải

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

1.1. Nước thải sinh hoạt

Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt từ bồn cầu, nước thải tắm giặt của công nhân, nước thải từ nhà bếp ăn của trang trại.

1.2. Nước thải sản xuất

Nguồn số 02: nước thải từ hoạt động chăn nuôi lợn (bao gồm nước tiểu lợn, nước tắm cho lợn, nước xả ra từ hầm chứa phân, nước thải rỉ từ quá trình ép phân, nước ngâm rửa tắm đàn, rửa thiết bị dụng cụ).

1.3. Nước rỉ rác

Nguồn số 03: Nước rỉ rác từ hố chôn lấp rác thải sinh hoạt.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

- Nguồn tiếp nhận số 1: Nước thải sau khi được xử lý qua hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 220 m³/ngày (24 giờ) được xả vào nguồn tiếp nhận là hồ sinh học 1, 2, 3 nằm trong khuôn viên của trang trại, không liên thông với các lưu vực nước mặt khác.

- Nguồn tiếp nhận số 2: Nước sau khi xả vào hồ sinh học 1, 2, 3 được tiếp tục xả (tưới) vào môi trường đất trong khuôn viên của trang trại (thông qua hoạt động tưới cây khu vực trồng cây của trang trại) với lưu lượng 363,45 m³/lần tưới, tưới vào mùa khô từ tháng 10 đến tháng 4 năm sau, tần suất tưới 02 ngày/lần.

2.2. Vị trí xả nước thải:

Tọa độ vị trí xả nước thải (xả vào hồ sinh học bên trong khuôn viên dự án, xã Nậm Mạ, tỉnh Lai Châu): X=2448707; Y=548311 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 103⁰, múi chiều 3⁰).

Tọa độ vị trí xả nước thải (tọa độ vị trí đặt bơm nước xả vào môi trường đất thuộc khuôn viên dự án, xã Nậm Mạ, tỉnh Lai Châu thông qua hoạt động tưới cây): X=2448671; Y=548203 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 103⁰, múi chiều 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất

- Xả vào hồ sinh học của dự án: 220 m³/ngày (24 giờ).
- Xả vào môi trường đất thuộc khuôn viên dự án thông qua hoạt động tưới cây: 363,45 m³/lần tưới, tưới vào mùa khô từ tháng 10 đến tháng 4 năm sau, tần suất tưới 02 ngày/lần.

2.4. Phương thức xả nước thải

- Phương thức xả nước thải
 - + Xả vào hồ sinh học của dự án: Nước thải sau xử lý tự chảy theo đường ống PVC từ hố ga kiểm soát ra hồ sinh học 1, 2, 3.
 - + Xả vào môi trường đất trong khuôn viên dự án: Bơm cưỡng bức đối với nước thải sau xử lý được tái sử dụng để tưới cây.
- Hình thức xả nước thải: Xả mặt.

2.5. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục đối với nguồn tiếp nhận là các hồ sinh học 1, 2, 3 và xả gián đoạn đối với xả vào môi trường đất trong khuôn viên dự án thông qua hoạt động tưới cây trên diện tích đất trồng cây nông nghiệp của dự án, xả vào mùa khô từ tháng 10 đến tháng 4 năm sau, tần suất 02 ngày/lần.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

- Các chất ô nhiễm trong nước thải khi xả ra môi trường sẽ có các giá trị giới hạn đạt QCVN 62:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi (Cột B) như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6-9	03 tháng/lần	Không quy định bắt buộc thực hiện
2	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	≤ 60		
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	≤ 150		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	≤ 100		
5	Tổng Nitơ (T-N)	mg/L	≤ 60		
6	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/L	≤ 14		
7	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100mL	≤ 5000		

- Nước thải được tận dụng cho tưới cây sẽ có các giá trị giới hạn đạt QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải

chăn nuôi sử dụng cho cây trồng như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn	Loại cây trồng được sử dụng
1	pH	-	5,5 - 9	Các loại cây trồng
2	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	≤ 600	
3	Asen (As)	mg/L	≤ 0,1	
4	Cadimi (Cd)	mg/L	≤ 0,01	
5	Crom tổng số (Cr)	mg/L	≤ 0,5	
6	Thủy ngân (Hg)	mg/L	≤ 0,002	
7	Chì (Pb)	mg/L	≤ 0,05	
8	E.coli	MPN hoặc CFU/100 mL	≤ 200	Các loại cây trồng
			> 200 - 1.000	Các loại cây trồng trừ cây rau, cây dược liệu hàng năm
			> 1.000 - 5.000	Cây lâm nghiệp, cây công nghiệp dài ngày không sử dụng làm thực phẩm, thức ăn cho vật nuôi

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nguồn số 01:

+ Nước thải từ khu vực nhà bếp được thu gom vào thiết bị tách mỡ để xử lý sơ bộ → hồ lắng điều hòa kết hợp hồ sự cố → hệ thống xử lý nước thải tập trung → đồng hồ đo lưu lượng nước thải → hồ sinh học 1, 2, 3.

+ Nước thải từ hoạt động tắm giặt → hồ lắng điều hòa kết hợp hồ sự cố → hệ thống xử lý nước thải tập trung → đồng hồ đo lưu lượng nước thải → hồ sinh học 1, 2, 3.

+ Nước thải từ các bồn cầu được xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn → hồ lắng điều hòa kết hợp hồ sự cố → hệ thống xử lý nước thải tập trung → đồng hồ đo lưu lượng nước thải → hồ sinh học 1, 2, 3.

- Nguồn số 02: Nước thải từ hoạt động chăn nuôi lợn (bao gồm nước tiểu lợn, nước tắm cho lợn, nước xả ra từ hầm chứa phân, nước thải rỉ từ quá trình ép phân, nước ngâm rửa tấm đan, rửa thiết bị dụng cụ) được thu gom về hố chất thải → bể biogas 1, 2 → hồ lắng điều hòa kết hợp hồ sự cố → hệ thống xử lý nước thải tập trung → đồng hồ đo lưu lượng nước thải → hồ sinh học 1, 2, 3.

- Nguồn số 03: Nước thải rỉ rác được thu gom vào bể kỵ khí, sau đó được đưa vào bể biogas 1, 2 → hồ lắng điều hòa kết hợp hồ sự cố → hệ thống xử lý nước thải tập trung → đồng hồ đo lưu lượng nước thải → hồ sinh học 1, 2, 3.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Bể tự hoại 3 ngăn

- Vị trí, dung tích: 01 bể tự hoại tại khu vực nhà ở công nhân số 1 dung tích 17,6 m³, 01 bể tự hoại tại khu vực nhà ở công nhân số 2 dung tích 17,6 m³; 01 bể tự hoại tại khu vực nhà điều hành 128 m³.

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt → ngăn chứa → ngăn lắng → ngăn lọc → hồ lắng điều hòa kết hợp hồ sự cố → hệ thống xử lý nước thải tập trung → đồng hồ đo lưu lượng nước thải → hồ sinh học 1, 2, 3.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chế phẩm sinh học.

1.2.2. Thiết bị tách mỡ:

- Vị trí, dung tích: 01 bể tách mỡ ở khu bếp ăn dung tích 8,33 m³.

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải từ bếp ăn → thiết bị tách mỡ → hồ lắng điều hòa kết hợp hồ sự cố → hệ thống xử lý nước thải tập trung → đồng hồ đo lưu lượng nước thải → hồ sinh học 1, 2, 3.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.3. Bể kỵ khí

- Vị trí, dung tích: 01 bể kỵ khí ở cạnh hố chôn lấp rác thải sinh hoạt với dung tích bể là 24 m³.

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước rỉ rác → bể kỵ khí → bể biogas 1, 2 → hồ lắng điều hòa kết hợp hồ sự cố → hệ thống xử lý nước thải tập trung → đồng hồ đo lưu lượng nước thải → hồ sinh học 1, 2, 3.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chế phẩm sinh học BIOTECH-K01.

1.2.4. Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước rỉ rác sau khi xử lý sơ bộ tại bể kỵ khí, nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại, sau tách mỡ, nước thải từ hoạt động chăn nuôi sau xử lý qua bể biogas 1, 2 → hồ lắng điều hòa kết hợp hồ sự cố → hồ điều hòa → bể thiếu khí bậc 1 → bể hiếu khí bậc 1 → bể thiếu khí bậc 2 → bể hiếu khí bậc 2 → bể lắng sinh học → bể keo tụ → bể tạo bông → bể lắng hóa lý → bể khử trùng 1 → bể khử trùng 2 → hồ ga kiểm soát → đồng hồ đo lưu lượng nước thải → hồ sinh học 1, 2, 3.

- Công suất thiết kế: 220 m³/ngày (24 giờ).

- Hóa chất: NaOH, PAC, Polymer, Javel 10%.

- Vật liệu sử dụng: Bơm chìm, máy khuấy chìm, hệ thống gạt bùn, hệ thống máy khuấy đảo trộn, máy thổi khí, công tơ điện, đồng hồ đo lưu lượng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng bắt buộc phải giám sát tự động, liên tục đối với nước thải.

1.4. Biện pháp, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố: Vận hành các bể xử lý nước thải sinh hoạt và hệ thống xử lý nước thải tập trung theo đúng quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị, đường ống dẫn nước thải, hạn chế sự cố rò rỉ hoặc chảy tràn nước thải do vỡ đường ống; định kỳ 6 tháng/lần tiến hành bổ sung men vi sinh vào bể tự hoại, bể kỵ khí để tăng hiệu quả xử lý nước thải sinh hoạt; định kỳ bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải tập trung, vận hành ổn định, khi gặp sự cố phải kịp thời khắc phục và sửa chữa đảm bảo hệ thống vận hành trong thời gian sớm nhất, cam kết không xả nước thải chưa xử lý đạt yêu cầu ra môi trường trong thời gian xảy ra sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi bởi khoản 13 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ, cụ thể: Chủ dự án quyết định và tự chịu trách nhiệm nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường được ký ban hành và phải đảm bảo đánh giá được hiệu quả của công trình xử lý chất thải theo quy định.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 220 m³/ngày (24 giờ).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

Vị trí lấy mẫu đầu ra: Nước thải đầu ra tại hồ sinh học 1 *(là hồ đầu tiên tiếp nhận nước thải sau khi được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung)*.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo nội dung được cấp phép tại mục 2.6 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Tuân thủ quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường *(được sửa đổi bổ sung tại điểm c khoản 8 Điều 1 Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)* gồm: việc quan trắc chất thải do chủ dự án đầu tư tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

3.3. Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải sau xử lý, đảm bảo kiểm soát lưu lượng nước thải theo quy định tại khoản 6 Điều 57 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ *(được sửa đổi bổ sung tại khoản 24 Điều 1 của Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ)*.

3.4. Thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ *(được sửa đổi bổ sung tại khoản 13 Điều 1 của Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ)*.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.6 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục./.

Phụ lục 2

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số:/GPMT-UBND ngày.....tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Đối với các khu chuồng nuôi: Bố trí hệ thống làm mát và thông gió tốt. Chuồng nuôi được thiết kế kín gió, xây dựng hoàn toàn khép kín; xung quanh khu vực nhà điều hành, nhà ở công nhân, khu vực chuồng trại, khu xử lý chất thải bố trí cây xanh với loại cây tán rộng, độ cao của cây, mật độ trồng phù hợp. Sau mỗi quạt hút gió, bố trí hệ thống phun sương kết hợp với chế phẩm vi sinh để khử mùi hôi. Sử dụng chế phẩm EM phun ở khu vực chuồng trại, hầm chứa phân với liều lượng và tần suất phù hợp để thúc đẩy phân hủy nhanh các chất hữu cơ, ức chế sự phát triển của vi sinh vật gây bệnh, hấp thụ các chất gây mùi hôi chuồng trại, giảm ruồi nhặng....

- Mương thoát nước thải: Xây dựng hệ thống mương thu gom chất thải có nắp đậy kín để giảm thiểu mùi hôi phát sinh do khí thải trong quá trình thoát nước thải.

- Đối với khí gas phát sinh tại bể biogas:

+ Túi khí HDPE được phủ và đầm chặt bằng đất sét xung quanh bờ của bể biogas, quá trình đầm đất sét phải được đầm chặt với chiều dày 0,5m và rộng 1,5m để đảm bảo khí gas không bị rò rỉ ra ngoài. Lắp đặt ống thu khí cao su tổng hợp có đường kính $\Phi 15\text{mm}$ và van xả áp để thu khí trong túi khí HDPE, ống thu khí được đặt cách mặt đất 0,1m bên phía đầu ra của bể biogas để đảm bảo vệ sinh. Việc lắp van xả áp để đóng và mở trong quá trình sử dụng khí. Các ống thu khí gas được bọc trong ống nhựa PVC $\Phi 25\text{mm}$ và được chôn sâu 0,1m so với mặt đất. Khí biogas được dẫn theo đường ống riêng để sử dụng nấu ăn, thắp sáng, chạy máy phát điện.

+ Bố trí 01 hệ thống thu gom, phân phối khí gas đồng bộ và hiện đại (có bộ lọc khí để loại bỏ CO_2 , H_2S , bụi và hơi nước) đến các khu vực tiêu thụ. Toàn bộ 100% lượng khí sinh ra từ bể biogas sẽ được thu gom vào hệ thống khép kín đưa đến máy phát điện để chuyển hóa thành điện năng cấp cho nhu cầu dùng điện của trang trại, không xả thải ra ngoài môi trường.

- Đối với mùi từ khu vực hầm ủ xác: Hầm được thiết kế xây dựng bằng bê tông và có nắp đậy HDPE kín; thực hiện rải vôi bột bên trong và trên mặt hầm chôn lấp với khối lượng khoảng $0,8 \text{ kg/m}^2$ hoặc phun Clorine nồng độ 2% với lượng từ $0,2 \div 0,25 \text{ lít/m}^2$ để diệt khuẩn và hạn chế phát tán mùi trong không khí.

- Đối với mùi từ khu vực hệ thống xử lý nước thải và máy ép phân:

+ Khu vực nhà để phân (khu vực ép phân): Nhà chứa phân được xây dựng thông thoáng, có mái che, nền nhà đổ bê tông, xây tường bao xung quanh để tránh nước mưa chảy tràn. Sử dụng chế phẩm vi sinh, tiến hành phun đều lên phân lợn, tần suất phun 01 lần/ngày, ngoài ra tiến hành rắc vôi bột tần suất 01 lần/ngày nhằm xử lý các vi khuẩn có hại tồn tại trong phân lợn.

+ Khu vực hệ thống xử lý nước thải: Toàn bộ hệ thống thu gom được xây dựng kín nhằm giảm phát thải mùi hôi của hệ thống xử lý nước thải ra ngoài môi trường, đồng thời sử dụng bể biogas hạn chế đáng kể mùi hôi phát sinh từ quá trình phân hủy kỵ khí của nước thải. Bên cạnh đó, chủ dự án tiến hành trồng cây xanh xung quanh khuôn viên của dự án và dải cây xanh quanh hệ thống xử lý nước thải, bể biogas, dải cây xanh.

- Đối với bụi, khí thải từ phương tiện vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm: Bê tông hóa toàn bộ hệ thống các tuyến đường nội bộ; đảm bảo khoảng cách từ đường vào chuồng nuôi hợp lý; thường xuyên vệ sinh khu vực sân, đường nội bộ; sử dụng các phương tiện vận chuyển chuyên dụng, có thùng xe kín hoặc phủ bạt kín, được đăng kiểm theo quy định. Xây dựng tường rào và trồng dải cây xanh bao quanh khu vực dự án để tạo hành lang chắn gió, ngăn phát tán mùi với môi trường xung quanh.

1.2. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng bắt buộc phải giám sát tự động, liên tục đối với khí thải.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, quạt hút gió khu vực chuồng trại và hệ thống thu gom, phân phối khí gas phát sinh từ bể biogas đảm bảo toàn bộ khí gas được thu gom và tận dụng, không xả ra môi trường. Trường hợp khí gas phát sinh từ bể biogas phát tán ra môi trường, chủ dự án phải kịp thời sửa chữa, khắc phục và chịu trách nhiệm nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường không khí.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình, biện pháp giảm thiểu tác động, thu gom, xử lý khí thải.

2.2. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép môi trường ra môi trường./.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số:/GPMT-UBND ngày.....tháng 10
năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Từ hoạt động chăn nuôi (tiếng kêu của lợn trong chuồng);
- Nguồn số 02: Từ quạt công nghiệp (quạt hút cuối chuồng nuôi lợn);
- Nguồn số 03: Từ máy bơm nước, máy ép phân;
- Nguồn số 04: Từ máy phát điện sử dụng nguồn khí phát sinh từ bể biogas.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Tọa độ đại diện:

- Nguồn số 01: Tọa độ đại diện X = 2448355 ; Y = 546746.
- Nguồn số 02: Tọa độ đại diện X = 2445361 ; Y = 546791.
- Nguồn số 03: Tọa độ đại diện X = 2448447 ; Y = 546854.
- Nguồn số 04: Tọa độ đại diện X = 2448377 ; Y = 546882.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 103°, múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung: Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 06 giờ đến 18 giờ (dBA)	Từ 18 giờ đến 22 giờ (dBA)	Từ 22 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	60	55	50	Không quy định bắt buộc thực hiện	Khu vực chăn nuôi

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ		
1	70	65	Không quy định bắt buộc thực hiện	Khu vực chăn nuôi

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ hệ thống quạt, máy ép phân, máy phát điện đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Lắp đặt đệm cao su cho các động cơ như máy bơm, máy ép phân, máy phát điện để giảm thiểu chấn động trong quá trình vận hành. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn để giảm thiểu độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế, giảm thiểu phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số:/GPMT-UBND ngày.....tháng 10
năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh: 20 kg/tháng.

STT	Loại chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/tháng)
A	Nhóm phát sinh thường xuyên		
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	2
2	Thùng can nhựa đựng hóa chất, dầu mỡ thải	18 01 03	5
3	Bao bì mềm thải (bao bì, chai lọ thuốc thú y thải, thuốc thú y quá hạn sử dụng, thuốc sát trùng, bơm kim tiêm)	18 01 01	5
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	1
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	2
6	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 02 01	3
7	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại (bao bì mềm thải chứa thành phần nguy hại phát sinh quá trình sát trùng xe, chuồng trại)	14 02 02	1
8	Pin/ắc quy chì thải	19 06 01	0,5
9	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	08 02 04	0,5
Tổng			20
B	Nhóm phát sinh không thường xuyên/đột xuất		
10	Lợn chết do dịch bệnh	14 02 01	-

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: 865,32 tấn/chu kỳ.

(Một chu kỳ bằng 30 ngày)

STT	Loại chất thải	Đơn vị	Khối lượng (kg/ngày)	Khối lượng (tấn/chu kỳ)
1	Phân lợn thu khô và phân sau khi qua máy ép	kg	28.320	849,6
2	Xác lợn chết thông thường	kg	13	0,39
3	Nhau thai	kg	32,88	0,9864
4	Bao bì đựng thức ăn chăn nuôi	kg	2,61	0,0783
5	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	kg	-	14,272
Tổng				865,32

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 8,4 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Đối với nhóm chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

+ Thiết bị lưu chứa: Thùng phuy có nắp đậy, dán nhãn mã từng loại chất thải theo quy định.

+ Kho/khu vực lưu giữ chất thải nguy hại: Kho có diện tích 12m².

+ Thiết kế, cấu tạo: Kho kín, tường xây gạch, mái tôn, cửa kho kín, nền bê tông xi măng đảm bảo khô thoáng, kín khít không bị rò rỉ, có gờ tại cửa kho cao hơn mặt sàn của kho, lắp đặt biển báo, dấu hiệu cảnh báo, dán nhãn, thiết bị phòng cháy chữa cháy; trong kho bố trí xẻng, cát khô để xử lý trong trường hợp chất thải nguy hại chảy tràn trong kho.

- Đối với nhóm chất thải nguy hại phát sinh không thường xuyên/đột xuất (xác lợn chết do dịch bệnh):

+ Bố trí 01 hố hủy xác riêng biệt có dung tích 144 m³ (dài 6m, rộng 3m, chiều sâu 2m), kết cấu tường thành xây gạch trát 2 mặt quét hồ dầu chống thấm, đáy là nền bê tông quét chống thấm, mặt nắp hố đổ bê tông cốt thép. Toàn bộ chất thải sau quá trình phân hủy sẽ hợp đồng chuyển giao với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.

+ Khi có dịch bệnh số lượng xác lợn chết lớn, bố trí hố chôn lấp tại khu vực vườn cây cách ly của trang trại, quy cách, quy trình, quản lý hố chôn lấp thực hiện theo phụ lục 6, ban hành kèm theo Thông tư 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/05/2016.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Kho lưu chứa:

+ Đối với phân lợn sau khi qua máy ép phân: Một phần được lưu chứa tại nhà ủ phân với diện tích 168,2m², phần còn lại được lưu chứa tại nhà ủ phân với diện tích 181,4m².

+ Đối với nhau thai và xác lợn chết không do dịch bệnh sẽ được đưa đến hố hủy xác dung tích 144m³.

- Bùn thải từ biogas, hệ thống xử lý nước thải: Đưa về máy ép bùn và xử lý giống như phân lợn.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa rác có màu sắc khác nhau (*xanh lá, xanh lục, đen*) để chứa từng loại rác sau khi được phân loại tại khu vực nhà bếp, nhà ăn, khu vực văn phòng, nhà nghỉ cán bộ, nhà ở công nhân, trong khu vực chuồng trại và dọc khuôn viên dự án để phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt; phương tiện, tuyến đường và thời gian vận chuyển chất thải trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

- Kho lưu chứa: Không bố trí kho lưu giữ riêng.

- Công trình xử lý: Bố trí 01 hố chôn lấp rác thải sinh hoạt, dung tích 24m³ (*rộng 3m, dài 4m, sâu 4m*). Đáy hố chôn lấp được đầm chặt, kết cấu vững chắc đủ khả năng chịu tải, không sụt lún, bảo đảm an toàn, có hệ thống thu gom nước rỉ rác.

3. Hoạt động xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải:

- Chất thải nguy hại: Hợp đồng với đơn vị được cấp Giấy phép hành nghề xử lý chất thải nguy hại để chuyển giao xử lý chất thải nguy hại theo quy định; riêng đối với chất thải nguy hại là lợn chết do dịch bệnh được xử lý đúng quy trình xử lý dịch bệnh trong chăn nuôi.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

+ Phân lợn được ép thành phân bón (*phân bón được tận dụng cây trồng tại trang trại và hợp đồng, chuyển giao cho các đơn vị có nhu cầu đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật*), phần còn sót lại được xử lý tại bể biogas.

+ Bùn thải từ quá trình nạo vét hệ thống xử lý nước thải, bể biogas và chất thải rắn vớt từ hồ sinh học được tiếp tục ép thành phân.

+ Xác lợn chết thông thường được thu gom, tiêu hủy tại hầm ngầm phía dưới nhà ép phân, sau đó được dẫn về bể biogas để tiếp tục xử lý. Để thúc đẩy

quá trình phân hủy xác chủ dự án bổ sung chế phẩm sinh học. Sau quá trình ủ, tiến hành lọc bỏ xương (*xương lợn chết không do dịch bệnh được xử lý như chất thải rắn thông thường*). Đối với bùn sẽ vận chuyển đến khu vực ép phân và xử lý như phân lợn, còn đối với chất lỏng vận chuyển đến hồ lắng điều hòa kết hợp hồ sự cố để xử lý như nước thải.

- Đối với bao bì đựng thức ăn chăn nuôi: Tái sử dụng làm bao bì đựng phân khô sau khi đã ép.

+ Bùn cặn từ bể tự hoại sẽ thuê đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn sinh hoạt: Chủ dự án tự xử lý trong khuôn viên dự án bằng hố chôn lấp hợp vệ sinh.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu hồi khí biogas, hệ thống thu gom nước thải, hệ thống thu gom thoát nước mưa, sự cố do cháy nổ, mưa lũ sạt lở.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

4. Đề bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình vận hành dự án theo quy định của pháp luật hiện hành./.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số:...../GPMT-UBND ngày.....tháng 10 năm
2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án.

2. Công trình khu vực phụ trợ như bể biogas, hồ sinh học nằm trên địa hình khe, vực sâu nguy cơ tiềm ẩn sạt lở cao, vì vậy yêu cầu Chủ dự án thực hiện kê bê tông chống sạt để bảo vệ các hồ điều hòa (phía taluy âm đất đắp) để đảm bảo an toàn chống sạt trượt; đất đắp vào các khe tạo mặt bằng phải được lu lèn đảm bảo cường độ chống sụt lún các bể, chuồng nuôi; trong quá trình thi công cần lu lèn chặt để hạn chế đất đá cuốn theo dòng nước trong mùa mưa chảy xuống suối ảnh hưởng đến chất lượng nước và dòng chảy suối Nậm Cuối; thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố sạt lở, trượt đất, lũ quét, xói mòn...trong quá trình thi công dự án; có biện pháp lu lèn, kê chống sạt lở tại khu vực bố trí công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường của dự án và các khu vực xung yếu có nguy cơ sạt lở trong suốt thời gian vận hành thử nghiệm, chính thức của dự án.

3. Thường xuyên theo dõi kiểm tra sụt lún, sạt trượt, nhất là về mùa mưa để kịp thời phát hiện có giải pháp sửa chữa khắc phục đảm bảo an toàn các hạng mục xây dựng của dự án.

4. Chế biến phân lợn thành phân vi sinh phải đảm bảo yêu cầu về chất lượng phân vi sinh đúng quy định, trường hợp chủ dự án bán hoặc cho người dân để làm phân bón thì phải đảm bảo chất lượng phân bón theo quy định để không gây ô nhiễm môi trường.

5. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 của UBND tỉnh Lai Châu. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

6. Tuyệt đối không xả nước thải ra khỏi khuôn viên của dự án, không để nước thải chảy tràn khỏi phạm vi dự án, không thải nước thải ra nguồn nước mặt bên ngoài dự án. Hệ thống xử lý nước thải của dự án có lắp đặt công tơ điện độc lập, đồng hồ đo lưu lượng nước thải tại đầu ra nước thải sau xử lý, nhật ký vận hành xử lý (*ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng nước thải đầu ra, các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào (nếu có), lượng điện tiêu thụ, loại và lượng hóa chất sử dụng; nhật ký vận hành được viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 2 năm*).

7. Phối hợp với chính quyền địa phương giải quyết những kiến nghị, khiếu nại về môi trường do ảnh hưởng của dự án; đền bù, khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường do hoạt động của dự án.

8. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định hiện hành; thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

9. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.